TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm
2. Bà Trần Thị Kim Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2019/TLST-DS ngày 25/12/2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T.

Địa chỉ trụ sở: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2019) (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/12/2015, bà Nguyễn Thị Ngọc T có ký hợp đồng tín dụng số 20151201-500000-2120 với Công ty T (sau đây viết tắt là Công ty) vay số tiền 68.077.788 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.50%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán số

tiền 104.020.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.891.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.835.000 đồng, bắt đầu từ ngày 11/01/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nhận đủ số tiền 68.077.788 đồng, gồm có 45.528.709 đồng là tiền bà T vay để trả nợ trước hạn cho khoản vay cũ và nhận tiền mặt qua bưu điện là 19.000.000 đồng, số tiền 3.549.079 đồng Công ty đã chuyển thanh toán phí bảo hiểm thay cho bà T. Bà T đã thanh toán cho Công ty được 14 lần với tổng số tiền 40.462.000 đồng. Kể từ ngày 14/6/2017 cho đến nay, bà T không thanh toán bất cứ khoản nào dù cho Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà T trễ hạn thanh toán nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T thanh toán tổng số tiền 63.558.000 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 48.447.846 đồng và nợ lãi là 15.110.154 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T nhưng bà T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151201-500000-2120 ngày 01/12/2015). Bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được tống đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, ngày 01/12/2015, bà Nguyễn Thị Ngọc T xác lập hợp đồng tín dụng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151201-500000-2120 với Công ty để vay số tiền 68.077.788 đồng. Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151201-500000-2120 ngày 01/12/2015 giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Ngọc T thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Công ty đã giải ngân cho bà T số tiền 68.077.788 đồng, gồm có 45.528.709 đồng bà T vay để trả nợ trước hạn cho khoản vay cũ và nhận tiền mặt qua bưu điện là 19.000.000 đồng, số tiền 3.549.079 đồng Công ty đã chuyển thanh toán phí bảo hiểm thay cho bà T. Bà T đã thanh toán cho Công ty được 14 lần với tổng số tiền 40.462.000 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng với số tiền 63.558.000 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 48.447.846 đồng và nợ lãi là 15.110.154 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 63.558.000 đồng, tương đương số tiền án phí là: 63.558.000 đồng x 5% = 3.177.900 đồng. Công ty không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 63.558.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm năm mươi tám ngàn đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 48.447.846 đồng và nợ lãi là 15.110.154 đồng.

Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2020 được tính theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20151201-500000-2120 ngày 01/12/2015) đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và Công ty T cho đến khi bà Nguyễn Thị Ngọc T thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp số tiền 3.177.900 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm đồng). Hoàn trả cho Công ty T số tiền 1.589.000 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041178 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung